

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban điều hành	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 42
8. Phụ lục	43

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 776/QĐ/TCCB-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 1993, Quyết định số 1807/QĐ/TCCB-LĐ ngày 19 tháng 10 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Quyết định số 328/CP ngày 27 tháng 5 năm 1995 của Chính phủ và Quyết định số 1027/HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 1997 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty hàng không Việt Nam.

Công ty dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam được thành lập theo Quyết định số 1040/QĐ-TCTCHKMN ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000177, đăng ký lại lần thứ 1 ngày 02 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất theo Quyết định số 22/QĐ-TCTCHKMN ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Tổng Công ty cảng hàng không miền Nam và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0301123125 ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 05 tháng 01 năm 2011 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và vốn pháp định.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84.8) 38.448358
Fax : (84.8) 38.447812
E-mail: : sasco@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 0301123125

Các đơn vị phụ thuộc, chi nhánh:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Phú Quốc	Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Hà Nội	32B Ngách 20, Ngõ 282, Thụy Khê, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là:

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, chi tiết: Kinh doanh hàng miễn thuế; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo, hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý, văn hóa phẩm (có nội dung được phép lưu hành); Nông, lâm, hải sản nguyên liệu, động vật sống (không hoạt động tại trụ sở và trừ động vật quý hiếm); Hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Vật liệu xây dựng; Xe có động cơ, mô tô, xe gắn máy, phụ tùng cho xe có động cơ, xăng, dầu, mỡ (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Nguyên vật liệu phi nông nghiệp, phế liệu và đồ phế thải (không hoạt động tại trụ sở); Máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế ngành công – nông – ngư nghiệp, hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Tạp phẩm, máy móc, thiết bị, đồ dùng cá nhân và gia đình; Sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); Xăng, dầu, mỡ, nhớt, gia vị, nước chấm, nước sốt, thủy hải sản, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao), chi tiết: Dịch vụ massage, xoa bóp, bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh.
- Vệ sinh chung nhà cửa.
- Bru chính.
- Chuyển phát, chi tiết: Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt), chi tiết: Đại lý vận tải bằng đường bộ, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo tuyến cố định theo hợp đồng bằng xe taxi, xe buýt.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện, chi tiết: Chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (trừ sản xuất giường, tủ, bàn, ghế và không hoạt động tại trụ sở).
- Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở).
- Đại lý du lịch.
- Quảng cáo.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
- Hoạt động viễn thông không dây và có dây (trừ dịch vụ truy cập internet).
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón, chi tiết: Khai thác, chế biến bùn khoáng (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở).
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: Chăn nuôi thủy sản; Chế biến cá và thủy sản trên tàu; Cung cấp nước đá lạnh bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Đại lý môi giới, đấu giá, chi tiết: môi giới thương mại.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thăm tra thiết kế công trình; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Quản lý dự án; Thăm tra dự án đầu tư; Lập dự toán và tổng dự toán công trình.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Nhà hàng; Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên máy bay; Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng.
- Điều hành tua du lịch, chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh bãi tắm, vũ trường, karaoke (không hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh); Hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, dịch vụ du thuyền, thể thao trên không, nhảy dù, hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể hình, nhịp điệu.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu.
- Sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở).
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở).
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật, giao thông.
- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn đầu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Môi giới hàng hải; Dịch vụ làm thủ tục hải quan; dịch vụ kiểm tra an toàn phương tiện vận tải; Dịch vụ hoa tiêu xe ô tô; Kéo xe bị hỏng; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp, đóng gói hàng hóa; Đại lý vé máy bay; Kinh doanh khai thác bến cảng; Khai thác dịch vụ kỹ thuật, thương mại hàng không, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không (trừ kinh doanh cảng hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không, kinh doanh vận chuyển hàng không và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Vận tải đường ống (không hoạt động tại trụ sở).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu năm nay tăng 334,8 tỷ VND tương đương 24,38% so với năm trước, trong đó tăng chủ yếu là doanh thu của Phòng kinh doanh hàng miễn thuế tăng 233,6 tỷ, doanh thu của Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất tăng 80,8 tỷ VND, doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc tăng 10,7 tỷ VND và doanh thu của chi nhánh Hà Nội tăng 12,9 tỷ VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Trong năm, Công ty đã tiến hành phân phối toàn bộ lợi nhuận của năm 2011.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban điều hành Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Danh	Chủ tịch - Giám đốc	08 tháng 6 năm 2010	-
Bà Đoàn Thị Mai Hương	Phó Giám đốc	08 tháng 6 năm 2010	-
Ông Lê Chí Công	Phó Giám đốc	08 tháng 6 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Kế toán trưởng	08 tháng 6 năm 2010	-
Bà Võ Việt Trinh	Kiểm soát viên	08 tháng 6 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

1448-C
G TY
M HỮU H
TOÁN VÀ
VẤN
HỒ CHÍ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban điều hành,



NGUYỄN QUỐC DANH
Giám đốc

Ngày 12 tháng 03 năm 2012

NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT
Phó phòng kế toán





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN *A&C*
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0152/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011 CỦA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Kính gửi:
**CHỦ SỞ HỮU VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 27 tháng 02 năm 2012, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban điều hành cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Lãi tỷ giá để đánh giá lại khoản mục ký quỹ dài hạn từ năm 2009 trở về trước và thuế hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lãi chênh lệch tỷ giá này với số tiền lần lượt là 25.266.382.500 VND và 6.316.595.625 VND chưa được điều chỉnh hồi tố mà được ghi nhận toàn bộ vào năm 2010. Việc ghi nhận này làm cho lợi nhuận năm 2010 tăng so với thực tế 18.949.786.875 VND.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Nguyễn Thị Bích Vân - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1852/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		760.791.968.605	564.760.606.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	362.428.884.440	167.752.516.273
1. Tiền		111		199.628.884.440	108.752.516.273
2. Các khoản tương đương tiền		112		162.800.000.000	59.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		36.145.359.350	46.397.541.850
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	58.237.700.000	63.887.700.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		129	V.3	(22.092.340.650)	(17.490.158.150)
III. Các khoản phải thu		130		64.968.432.029	82.835.734.537
1. Phải thu của khách hàng		131	V.4	50.304.248.700	57.338.101.074
2. Trả trước cho người bán		132	V.5	12.444.884.147	13.551.948.544
3. Phải thu nội bộ		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.6	30.895.097.030	34.552.568.065
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		139	V.7	(28.675.797.848)	(22.606.883.146)
IV. Hàng tồn kho		140		259.870.664.433	228.611.472.502
1. Hàng tồn kho		141	V.8	260.445.776.373	229.061.240.693
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.9	(575.111.940)	(449.768.191)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		37.378.628.353	39.163.341.031
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.10	4.492.372.667	2.921.226.451
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		21.693.964.904	19.435.313.428
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.11	6.781.466.807	5.653.209.134
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.12	4.410.823.975	11.153.592.018

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		726.183.999.846	827.112.114.926
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	30.040.240.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.13	30.040.240.000	30.040.240.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.14	(30.040.240.000)	-
II. Tài sản cố định	220		95.987.037.989	100.830.340.176
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.15	75.454.440.814	84.378.784.637
<i>Nguyên giá</i>	222		321.868.907.806	312.646.298.763
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(246.414.466.992)	(228.267.514.126)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.16	12.063.542.006	10.466.163.752
<i>Nguyên giá</i>	228		14.871.707.055	12.832.341.055
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.808.165.049)	(2.366.177.303)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.17	8.469.055.169	5.985.391.787
III. Bất động sản đầu tư	240	V.18	21.431.111.300	22.007.235.356
<i>Nguyên giá</i>	241		24.976.237.600	24.976.237.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.545.126.300)	(2.969.002.244)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		361.244.091.369	429.561.885.149
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.19	43.849.780.000	14.900.289.718
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.20	39.732.051.987	65.331.762.269
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.21	354.630.122.880	364.230.122.880
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.22	(76.967.863.498)	(14.900.289.718)
V. Tài sản dài hạn khác	260		247.521.759.188	244.672.414.245
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.23	5.603.608.008	5.665.557.197
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.24	886.281.575	1.775.903.573
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.25	241.031.869.605	237.230.953.475
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.486.975.968.451	1.391.872.721.119

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		730.669.957.430	636.181.438.117
I. Nợ ngắn hạn	310		705.350.880.332	600.095.561.614
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.26	108.626.251.211	154.474.023.302
2. Phải trả người bán	312	V.27	383.788.402.360	303.719.814.676
3. Người mua trả tiền trước	313	V.28	7.538.284.031	4.828.417.370
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.29	798.694.510	1.186.344.516
5. Phải trả người lao động	315	V.30	52.834.955.906	46.807.382.736
6. Chi phí phải trả	316		103.121.916	29.888.182
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.31	103.131.927.984	65.721.449.027
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.32	48.529.242.414	23.328.241.805
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		25.319.077.098	36.085.876.503
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		612.324.144	348.924.144
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	4.800.000.000	15.720.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.34	8.942.373.430	8.453.206.875
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.35	10.964.379.524	11.563.745.484
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		756.306.011.021	755.691.283.002
I. Vốn chủ sở hữu	410		756.306.011.021	755.691.283.002
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.36	514.585.256.094	514.585.256.094
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.36	(2.839.094.310)	4.042.450.299
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.36	158.745.799.827	158.745.799.827
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.36	85.814.049.410	77.105.702.930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.36	-	1.212.073.852
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.486.975.968.451	1.391.872.721.119

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược					
- Đồng Việt Nam (VND)	V.37	12.481.496.477		23.225.871.686	
- Dollar Mỹ (USD)		1.058.680		417.014,00	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		394.747.722		394.747.722	
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)					
- Dollar Úc (AUD)		1.100,00		1.465,00	
- Bạt Thái Lan (BHT)		16.900,00		13.000,00	
- Dollar Canada (CAD)		475,00		820,00	
- Euro (EUR)		27.940,00		32.861,86	
- Bảng Anh (GBP)		3.076,00		265,00	
- Franc Thụy Sĩ (CHF)		350,00		360,00	
- Dollar Hồng Kông (HKD)		3.160,00		2.720,00	
- Yên Nhật (JPY)		118.000,00		184.000,00	
- Dollar Singapore (SGD)		2.227,00		1.756,00	
- Dollar Mỹ (USD)		7.212.234,63		3.996.111,83	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

Mười

Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Phó phòng kế toán



Nguyễn Quốc Danh

Nguyễn Quốc Danh
Giám đốc



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP


Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.712.992.035.273	1.377.435.824.366
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	4.931.710.753	4.199.066.307
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.708.060.324.520	1.373.236.758.059
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.163.675.414.872	946.177.045.233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		544.384.909.648	427.059.712.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	108.046.726.130	116.215.577.330
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	105.241.781.246	71.765.156.569
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.524.324.613	10.964.255.121
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	281.563.479.696	263.302.565.167
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	185.124.166.878	128.146.233.554
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.502.207.958	80.061.334.866
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10.596.841.566	9.948.742.220
12. Chi phí khác	32	VI.8	433.843.966	2.499.410.779
13. Lợi nhuận khác	40		10.162.997.600	7.449.331.441
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.665.205.558	87.510.666.307
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.29	2.657.622.058	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	1.378.788.553	7.582.197.777
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>86.628.794.947</u>	<u>79.928.468.530</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-


Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Phó phòng kế toán


Nguyễn Quốc Danh
Giám đốc



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		90.665.205.558	87.510.666.307
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.15,16,18	32.179.511.502	42.866.290.887
- Các khoản dự phòng	03	V.3,7,9,14,22	102.904.254.731	53.350.797.621
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	(804.170.000)	(33.812.827.500)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	(100.467.185.950)	(72.413.722.313)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.524.324.613	10.964.255.121
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		131.001.940.454	88.465.460.123
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		37.483.556.340	(14.638.460.105)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31.384.535.680)	(117.914.763.746)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		82.745.445.134	130.936.105.883
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.509.197.027)	(200.787.039)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.524.324.613)	(10.964.255.121)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.29	(3.451.864.945)	(10.483.673.915)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.488.211.516	22.445.487.857
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(47.461.492.470)	(48.761.476.042)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		164.387.738.709	38.883.637.895
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.15,16,17	(26.762.007.339)	(12.961.031.071)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.978.751.816	1.844.245.756
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(8.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	14.150.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.349.780.000)	(26.750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		13.440.000.000	21.440.983.148
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		92.560.356.214	67.976.084.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		85.517.320.691	51.550.282.801

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.26	457.208.411.282	378.243.687.607
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.26	(513.331.380.113)	(469.753.256.853)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(56.122.968.831)	(91.509.569.246)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		193.782.090.569	(1.075.648.550)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	167.752.516.273	170.266.204.215
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		894.277.598	(1.438.039.392)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	362.428.884.440	167.752.516.273

Muiba

Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Phó phòng kế toán



Nguyễn Quốc Danh
Nguyễn Quốc Danh
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Doanh nghiệp Nhà nước
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ - Thương nghiệp
- Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đối ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ xoa bóp đôi bàn chân tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 1.667 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.681 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Doanh thu năm nay tăng 334,8 tỷ VND tương đương 24,38% so với năm trước, trong đó tăng chủ yếu là doanh thu của Phòng kinh doanh hàng miễn thuế tăng 233,6 tỷ, doanh thu của Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất tăng 80,8 tỷ VND, doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc tăng 10,7 tỷ VND và doanh thu của chi nhánh Hà Nội tăng 12,9 tỷ VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Doanh thu, giá vốn giữa các đơn vị trực thuộc chưa được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 05

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 36 – 47 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 4 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao 36 tháng.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

10. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính tổng hợp bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí bảng hiệu quảng cáo, chi phí cấp quang... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Thông tư số 138/2010/TT- BTC của Bộ Tài chính ngày 17 tháng 9 năm 2010 về hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Cụ thể như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Tối thiểu 30% lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	10%	Bằng 25% vốn điều lệ.
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo kết quả phân loại doanh nghiệp	Không quá 3 tháng lương thực hiện.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính tổng hợp và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác nhận theo giá trị hợp lý, các tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chi được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.061.147.364	5.897.824.152
Tiền gửi ngân hàng	189.873.043.087	102.468.805.770
Tiền đang chuyển ⁽ⁱ⁾	694.693.989	385.886.351
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	162.800.000.000	59.000.000.000
Cộng	<u>362.428.884.440</u>	<u>167.752.516.273</u>

⁽ⁱ⁾ Thẻ tín dụng thu của khách hàng.

⁽ⁱⁱ⁾ Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		49.737.700.000		49.737.700.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á</i>	3.410.000	48.705.450.000	3.410.000	48.705.450.000
<i>Công ty cổ phần được Cần Giờ</i>	53.225	1.032.250.000	53.225	1.032.250.000
Tiền gửi từ 3 tháng đến 12 tháng		8.500.000.000		14.150.000.000
Cộng		<u>58.237.700.000</u>		<u>63.887.700.000</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Chi tiết số phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	17.490.158.150	-
Trích lập dự phòng bổ sung	4.602.182.500	17.490.158.150
Số cuối năm	<u>22.092.340.650</u>	<u>17.490.158.150</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Phải thu của khách hàng

Chi tiết phải thu khách hàng tại từng đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	6.119.551.817	4.215.922.939
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	36.946.618.371	46.223.741.811
Phòng kinh doanh trang trại	-	1.041.309.323
Chi nhánh Phú Quốc	920.416.208	1.129.726.233
Chi nhánh Khánh Hòa	-	1.295.837.230
Chi nhánh Hà Nội	6.317.662.304	3.431.563.538
Cộng	<u>50.304.248.700</u>	<u>57.338.101.074</u>

5. Trả trước cho người bán

Chi tiết trả trước cho người bán tại từng đơn vị trực thuộc như sau :

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	8.465.986.165	8.817.641.059
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	930.672.365	480.982.885
Phòng kinh doanh trang trại	-	502.702.200
Chi nhánh Phú Quốc	3.048.225.617	3.173.817.351
Chi nhánh Khánh Hòa	-	576.805.049
Cộng	<u>12.444.884.147</u>	<u>13.551.948.544</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cổ phần hóa	1.206.335.542	2.208.939.840
Các khoản chi hộ cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH)	28.265.553.824	28.038.492.271
Các khoản phải thu khác	1.423.207.664	4.305.135.954
Cộng	<u>30.895.097.030</u>	<u>34.552.568.065</u>

7. Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	22.606.883.146	499.007.913
Trích lập dự phòng bổ sung	6.068.914.702	22.107.875.233
Số cuối năm ⁽ⁱ⁾	<u>28.675.797.848</u>	<u>22.606.883.146</u>

⁽ⁱ⁾ Trong đó, khoản dự phòng phải thu các khoản chi hộ cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH) là 27.489.881.661 VND.

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.194.928.827	3.838.557.065
Công cụ, dụng cụ	958.745.849	411.222.379
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.586.662	530.626.385
Thành phẩm	754.759.632	958.618.923
Hàng hóa	253.351.163.952	223.142.268.822
Hàng gửi đi bán	136.591.451	179.947.119
Cộng	<u>260.445.776.373</u>	<u>229.061.240.693</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tình hình biến động dự phòng giảm giá nguyên vật liệu như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	449.768.191	110.379.671
Trích lập dự phòng bổ sung	423.441.270	339.388.520
Hoàn nhập dự phòng	(298.097.521)	-
Số cuối năm	575.111.940	449.768.191

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	348.015.036	880.646.132	(982.511.293)	246.149.875
Chi phí bảo hiểm	345.465.156	1.428.095.705	(1.363.909.066)	409.651.795
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.227.746.259	14.124.854.474	(12.516.029.736)	3.836.570.997
Cộng	2.921.226.451	16.433.596.311	(14.862.450.095)	4.492.372.667

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	6.431.654.123	5.637.411.236
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	349.812.684	15.797.898
Cộng	6.781.466.807	5.653.209.134

12. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	4.064.721.410	2.925.996.325
Ký quỹ ngắn hạn	346.102.565	8.227.595.693
Cộng	4.410.823.975	11.153.592.018

13. Phải thu dài hạn khác

Căn cứ theo biên bản thanh lý số 143- BB/CCMN- DVTSN ngày 02 tháng 4 năm 2007 số tiền phải thu dài hạn của Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) 30.040.240.000 VND phải chuyển thành góp vốn cho Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án xây dựng khu dân cư thương mại An Thới, TP. Cần Thơ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 144/CCMM- DVTSN ngày 03 tháng 4 năm 2007. Tuy nhiên, hợp đồng vẫn chưa được triển khai theo nội dung đã ký.

14. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

Đây là khoản dự phòng cho khoản góp vốn với Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	95.609.679.796	35.757.077.126	172.264.735.440	7.626.266.946	1.388.539.455	312.646.298.763
Tăng trong năm	1.502.963.991	2.313.486.846	17.733.161.830	718.467.728	-	22.268.080.395
Mua sắm mới	143.750.000	283.913.513	17.733.161.830	718.467.728	-	18.879.293.071
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.359.213.991	2.029.573.333	-	-	-	3.388.787.324
Giảm trong năm	(1.543.045.070)	(2.139.445.649)	(8.581.572.406)	(781.408.227)	-	(13.045.471.352)
Thanh lý, nhượng bán	(1.513.942.632)	(2.139.445.649)	(8.581.572.406)	(781.408.227)	-	(13.016.368.914)
Giảm khác	(29.102.438)	-	-	-	-	(29.102.438)
Số cuối năm	95.569.598.717	35.931.118.323	181.416.324.864	7.563.326.447	1.388.539.455	321.868.907.806
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	52.939.766.031	30.639.669.013	39.981.165.970	6.454.815.501	-	130.015.416.515
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	65.209.360.482	32.182.548.648	122.676.122.916	7.223.774.677	975.707.403	228.267.514.126
Khấu hao trong năm	11.448.170.942	3.439.032.367	15.579.402.221	353.997.326	340.796.844	31.161.399.700
Thanh lý, nhượng bán	(1.513.942.632)	(2.137.523.569)	(8.581.572.406)	(781.408.227)	-	(13.014.446.834)
Số cuối năm	75.143.588.792	33.484.057.446	129.673.952.731	6.796.363.776	1.316.504.247	246.414.466.992
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	30.400.319.314	3.574.528.478	49.588.612.524	402.492.269	412.832.052	84.378.784.637
Số cuối năm	20.426.009.925	2.447.060.877	51.742.372.133	766.962.671	72.035.208	75.454.440.814
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 65.472.990.012 VND và 16.439.218.689 VND đã được thế chấp và tín chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

16. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.912.606.335	100.555.555	1.819.179.165	12.832.341.055
Mua trong năm	2.039.366.000	-	-	2.039.366.000
Số cuối năm	12.951.972.335	100.555.555	1.819.179.165	14.871.707.055
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	45.000.000	1.499.379.165	1.544.379.165
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	812.538.863	54.259.275	1.499.379.165	2.366.177.303
Khấu hao trong năm	321.498.866	13.888.884	106.599.996	441.987.746
Số cuối năm	1.134.037.729	68.148.159	1.605.979.161	2.808.165.049

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	10.100.067.472	46.296.280	319.800.000	10.466.163.752
Số cuối năm	11.817.934.606	32.407.396	213.200.004	12.063.542.006
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	81.600.000	20.945.553.151	(20.918.659.071)	108.494.080
Xây dựng cơ bản	5.903.791.787	5.845.556.626	(3.388.787.324)	8.360.561.089
Văn phòng Công ty	5.903.791.787	5.224.208.998	(2.767.439.696)	8.360.561.089
Chi nhánh Phú Quốc	-	621.347.628	(621.347.628)	-
Cộng	5.985.391.787	26.791.109.777	(24.307.446.395)	8.469.055.169

18. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	24.976.237.600
Số cuối năm	24.976.237.600
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	2.969.002.244
Khấu hao trong năm	576.124.056
Số cuối năm	3.545.126.300
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	22.007.235.356
Số cuối năm	21.431.111.300
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

19. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305515395 thay đổi lần thứ 6 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất 58.500.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp 43.849.780.000 VND, số vốn điều lệ còn phải góp bổ sung là 14.650.220.000 VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco ⁽ⁱ⁾		- 10.800.262.269		- 10.800.262.269
Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay ⁽ⁱⁱ⁾	1.283.150	12.831.500.000	1.283.150	12.831.500.000
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	- 40.500.000.000
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) ^(iv)		- 14.900.289.718		-
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh ^(v)	1.200	1.200.000.000	1.200	1.200.000.000
Cộng		39.732.051.987		65.331.762.269

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5602000027 ngày 12 tháng 4 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco 10.800.262.269 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.283.150 cổ phiếu, tương đương 28,51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay.
- (iii) Trong năm Công ty tiếp tục đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất với số tiền là 3.349.780.000 VND tương đương 15% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã chuyển khoản đầu tư sang đầu tư vào công ty con.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH), tương đương 29% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng 100% do lỗ lũy kế của Công ty liên doanh Nhà Việt vượt vốn đầu tư.
- (v) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu, tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty cổ phần phát triển vườn xanh.

21. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	369.600	7.200.000.000	369.600	7.200.000.000
Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài	500.000	8.810.000.000	500.000	8.810.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	296.391	2.427.902.880	296.391	2.427.902.880
Công ty cổ phần công trình hàng không Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần địa ốc Thảo Điền	7.838.195	170.367.040.000	6.699.312	170.367.040.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt	1.308.310	41.575.200.000	1.203.820	41.575.200.000
Công ty cổ phần thương mại Sabeco Trung tâm	8.019.000	80.190.000.000	8.019.000	80.190.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ du lịch thanh niên Đà Lạt	7.000	70.000.000	7.000	70.000.000
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	144.000	11.326.176.000	144.000	11.326.176.000
Công ty cổ phần khách sạn hàng không	170.000	4.930.000.000	170.000	4.930.000.000
Công ty cổ phần khách sạn hàng không	-	-	960.000	9.600.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	-	7.425.000.000	-	7.425.000.000
Công ty TNHH một thành viên Nhà Phú Nhuận	-	12.508.804.000	-	12.508.804.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc	-	2.800.000.000	-	2.800.000.000
Cộng		354.630.122.880		364.230.122.880

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu của Công ty cổ phần khách sạn hàng không: giảm do bán 960.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 9.600.000.000 VND.
- Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, giá trị các khoản đầu tư tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam và Công ty cổ phần địa ốc Thảo Điền không thay đổi so với năm trước, tuy nhiên có thay đổi số lượng cổ phiếu do Công ty ghi nhận cổ phiếu thưởng.

22. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.900.289.718	1.486.914.000
Trích lập dự phòng bổ sung	62.067.573.780	13.413.375.718
Số cuối năm	76.967.863.498	14.900.289.718

23. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối năm
		trong năm	trong năm	
Công cụ, dụng cụ	1.859.864.092	1.157.582.837	(1.658.022.523)	1.359.424.406
Bảo hiểm, thuê văn phòng	41.400.000	-	(41.400.000)	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	3.103.992.290	893.901.316	(2.790.652.772)	1.207.240.834
Chi phí dài hạn khác	660.300.815	3.609.458.224	(1.232.816.271)	3.036.942.768
Cộng	5.665.557.197	5.660.942.377	(5.722.891.566)	5.603.608.008

24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	742.250.561	144.031.014	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.033.653.012	-	(1.033.653.012)	-
Cộng	1.775.903.573	144.031.014	(1.033.653.012)	886.281.575

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**25. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ bảo lãnh khoản vay của Công ty liên doanh cổ phần nhà Việt (Viet Home GMBH) tại Deutsche Bank AG – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh,	203.122.600.000	203.818.200.000
Ký quỹ bảo lãnh vay của Công ty liên doanh cổ phần nhà Việt (Viet Home GMBH) tại Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Hội sở Hà Nội	31.703.595.000	31.812.165.000
Ký quỹ thực hiện dự án khu du lịch Suối Hoa	4.763.450.000	-
Ký quỹ dài hạn khác	1.442.224.605	1.600.588.475
Cộng	<u>241.031.869.605</u>	<u>237.230.953.475</u>

26. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>97.706.251.211</u>	<u>141.554.023.302</u>
Ngân hàng Thương mại China Trust - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	112.791.713.501
Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu – Phòng giao dịch VIP	51.971.406.496	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh quận 5	-	28.762.309.801
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam	45.734.844.715	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33)	<u>10.920.000.000</u>	<u>12.920.000.000</u>
Cộng	<u>108.626.251.211</u>	<u>154.474.023.302</u>

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng để thanh toán tiền hàng nhập khẩu.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	141.554.023.302	457.208.411.282	-	(644.803.260)	(500.411.380.113)	97.706.251.211
Vay dài hạn đến hạn trả	12.920.000.000	-	10.920.000.000	-	(12.920.000.000)	10.920.000.000
Cộng	<u>154.474.023.302</u>	<u>457.208.411.282</u>	<u>10.920.000.000</u>	<u>(644.803.260)</u>	<u>(513.331.380.113)</u>	<u>108.626.251.211</u>

27. Phải trả cho người bán

Chi tiết phải trả cho người bán tại từng đơn vị trực thuộc như sau :

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	17.871.147.036	38.202.117.465
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	29.199.973.007	22.485.706.258
Phòng kinh doanh trang trại	-	30.390.500
Chi nhánh Phú Quốc	1.937.482.486	1.754.742.647
Chi nhánh Khánh Hòa	-	46.221.506
Chi nhánh Hà Nội	163.068.560	219.709.950
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	334.616.731.271	240.980.926.350
Cộng	<u>383.788.402.360</u>	<u>303.719.814.676</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**28. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện	5.263.197.335	3.303.774.347
Người mua trả tiền trước	2.275.086.696	1.524.643.023
Cộng	<u>7.538.284.031</u>	<u>4.828.417.370</u>

29. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	358.933.035	3.671.343.218	(3.649.901.619)	380.374.634
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.817.139.244	(2.817.139.244)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	390.438.076	4.810.441.844	(4.783.077.364)	417.802.556
Thuế xuất, nhập khẩu	-	121.754.843	(121.754.843)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾	(5.637.411.236)	2.657.622.058	(3.451.864.945)	(6.431.654.123)
Thuế thu nhập cá nhân ⁽ⁱ⁾	421.175.507	7.595.674.354	(8.366.145.225)	(349.295.364)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.892.352.320	(2.892.352.320)	-
Các loại thuế khác	-	1.475.585.767	(1.475.585.767)	-
Cộng	<u>(4.466.864.618)</u>	<u>26.041.913.648</u>	<u>(27.557.821.327)</u>	<u>(5.982.772.297)</u>

⁽ⁱ⁾ Số thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.11).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Kinh doanh hàng miễn thuế, sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi	Không chịu thuế
- Dịch vụ vận tải hành khách quốc tế và xuất khẩu tại chỗ	0%
- Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	5% - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh massage với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.665.205.558	87.510.666.307
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.516.752.090	2.061.948.753
- Các khoản điều chỉnh giảm	(77.416.857.366)	(93.056.651.444)
Thu nhập chịu thuế	<u>14.765.100.282</u>	<u>(3.484.036.384)</u>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ các năm trước được chuyển	(3.484.036.384)	-
Thu nhập tính thuế	11.281.063.898	(3.484.036.384)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.820.265.975	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	(162.643.916)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.657.622.058	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

30. Phải trả người lao động

Quỹ lương năm 2011 của Công ty được trích lập trên cơ sở đơn giá tiền lương là 104,15 đồng tiền lương/1000 đồng doanh thu, quỹ thưởng an toàn hàng không và quỹ tiền lương của viên chức quản lý được thực hiện theo Quyết định số 90/TCTCHKMN-HĐTV và số 91/TCTCHKMN-HĐTV ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty cảng hàng không miền Nam.

Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

31. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	898.809.959	808.453.880
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	41.043.669	-
Phải trả về cổ phần hóa	234.359.000	234.359.000
Nhận ký quỹ	1.017.404.047	911.315.735
Lợi nhuận năm 2010 và năm 2011 phải trả Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam	88.983.868.062	54.664.758.483
Các khoản phải trả khác	11.956.443.247	9.102.561.929
Cộng	103.131.927.984	65.721.449.027

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập từ</u>		<u>Số cuối năm</u>
		<u>lợi nhuận trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	
Quỹ khen thưởng	9.576.877.113	31.132.617.313	(9.991.651.500)	30.717.842.926
Quỹ phúc lợi	13.451.364.692	12.723.391.427	(8.778.356.631)	17.396.399.488
Quỹ khác	300.000.000	200.000.000	(85.000.000)	415.000.000
Cộng	23.328.241.805	44.056.008.740	(18.855.008.131)	48.529.242.414

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**33. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	-	6.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Sở giao dịch II ⁽ⁱⁱ⁾	4.080.000.000	6.120.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	720.000.000	3.600.000.000
Cộng	<u>4.800.000.000</u>	<u>15.720.000.000</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VIB) để thanh toán tiền mua xe theo Hợp đồng vay số 0194/H ĐTD2- VIB625/09 ngày 31 tháng 5 năm 2009 với lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND của VIB, kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất cộng biên độ lãi suất do VIB quy định, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Sở giao dịch II để thực hiện dự án đầu tư phương tiện vận tải theo Hợp đồng tín dụng số 10.3211002/ HĐTD.TDH ngày 06 tháng 8 năm 2010 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả sau của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh cộng 2,4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thực hiện dự án đầu tư mua sắm phương tiện vận tải theo Hợp đồng tín dụng số 0006/TD1/08CD ngày 30 tháng 01 năm 2008 với lãi suất áp dụng mức lãi suất cố định hàng năm.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Từ 1 năm trở xuống	10.920.000.000	12.920.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	4.800.000.000	15.720.000.000
Tổng nợ	<u>15.720.000.000</u>	<u>28.640.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.720.000.000	28.640.000.000
Số kết chuyển	(10.920.000.000)	(12.920.000.000)
Số cuối năm	<u>4.800.000.000</u>	<u>15.720.000.000</u>

34. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.453.206.875	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	690.209.055	8.453.206.875
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(201.042.500)	-
Số cuối năm	<u>8.942.373.430</u>	<u>8.453.206.875</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**35. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.563.745.484	11.945.595.978
Số trích lập trong năm	923.680.089	19.247.666
Số chi trong năm	(554.714.072)	(401.098.160)
Giảm khác	(968.331.977)	-
Số cuối năm	<u>10.964.379.524</u>	<u>11.563.745.484</u>

36. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

37. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược

Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi của các khách hàng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.712.992.035.273	1.377.435.824.366
- Doanh thu Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	813.379.057.358	731.785.596.778
- Doanh thu phòng kinh doanh hàng miễn thuế	775.879.886.077	542.226.284.537
- Doanh thu cho thuê mặt bằng quảng cáo	17.469.027.022	15.075.836.094
- Doanh thu kinh doanh trang trại	-	396.944.257
- Doanh thu Chi nhánh Phú Quốc	58.414.846.039	47.667.580.899
- Doanh thu Chi nhánh Khánh Hòa	7.274.410.822	14.489.100.544
- Doanh thu Chi nhánh Hà Nội	35.383.792.751	22.443.082.213
- Doanh thu dịch vụ khác	5.191.015.204	3.351.399.044
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(4.931.710.753)	(4.199.066.307)
- Hàng bán bị trả lại	(115.946.954)	(210.633.788)
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	(4.810.441.844)	(3.884.316.961)
- Thuế giá trị gia tăng	(5.321.955)	(104.115.558)
Doanh thu thuần	<u>1.708.060.324.520</u>	<u>1.373.236.758.059</u>

Trong đó:

- Doanh thu Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	808.710.788.223	727.936.570.125
- Doanh thu Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	775.879.886.077	542.226.284.537
- Doanh thu cho thuê mặt bằng quảng cáo	17.469.027.022	15.075.836.094
- Doanh thu kinh doanh trang trại	-	396.944.257
- Doanh thu Chi nhánh Phú Quốc	58.271.454.228	47.526.698.377
- Doanh thu Chi nhánh Khánh Hòa	7.154.361.015	14.299.054.164
- Doanh thu Chi nhánh Hà Nội	35.383.792.751	22.423.971.461
- Doanh thu dịch vụ khác	5.191.015.204	3.351.399.044

Doanh thu trên bao gồm cả doanh thu tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc với nhau là 25.431.519.086 VND (năm trước là 16.952.605.656 VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	486.814.114.634	442.702.585.261
Giá vốn Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	575.180.196.623	411.883.262.090
Giá vốn cho thuê mặt bằng quảng cáo	10.919.257.773	10.653.942.990
Giá vốn kinh doanh trang trại	-	5.483.277.161
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	46.269.540.907	39.122.961.615
Giá vốn Chi nhánh Khánh Hòa	6.904.264.709	13.311.460.198
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	34.116.197.226	21.540.958.223
Giá vốn dịch vụ khác	3.471.843.000	1.478.597.695
Cộng	<u>1.163.675.414.872</u>	<u>946.177.045.233</u>

Chi tiết giá vốn hàng bán theo khoản mục:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng mua	1.084.954.295.923	870.944.714.363
Giá thành sản xuất xuất bán	3.176.193.216	6.229.334.475
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	17.861.214.698	13.084.968.358
Chi phí nhân công trực tiếp	17.491.994.816	15.004.232.725
Chi phí sản xuất chung	40.191.716.219	40.913.795.312
Cộng	<u>1.163.675.414.872</u>	<u>946.177.045.233</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.877.078.313	875.345.030
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.994.335.066	8.732.261.024
Cổ tức, lợi nhuận được chia	74.296.021.148	59.243.823.944
Lãi bán cổ phiếu	3.840.000.000	2.871.081.500
Lợi nhuận hợp tác liên doanh	360.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.679.291.603	10.680.238.332
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	33.812.827.500
Cộng	<u>108.046.726.130</u>	<u>116.215.577.330</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.524.324.613	10.964.255.121
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.242.390.163	29.854.477.764
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, ngắn hạn	66.669.756.280	30.903.533.868
Chi phí bán cổ phiếu	-	42.718.352
Chi phí tài chính khác	1.140.190	171.464
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	804.170.000	-
Cộng	<u>105.241.781.246</u>	<u>71.765.156.569</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	71.781.930.384	71.617.046.739
Chi phí vật liệu	4.082.477.939	3.375.334.197
Chi phí dụng cụ	3.065.927.221	3.277.385.668
Chi phí khấu hao	8.552.662.270	16.717.537.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.748.456.156	134.220.064.280
Chi phí khác	44.332.025.726	34.095.197.176
Cộng	<u>281.563.479.696</u>	<u>263.302.565.167</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	105.977.508.426	74.447.627.290
Chi phí vật liệu	393.407.906	418.754.852
Chi phí đồ dùng văn phòng	766.415.513	842.138.791
Chi phí khấu hao	4.534.137.374	5.544.633.477
Thuế, phí, lệ phí	4.403.205.653	3.678.999.233
Chi phí dự phòng	36.109.154.702	22.107.875.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.916.915.984	6.155.701.883
Chi phí khác	18.023.421.320	14.950.502.795
Cộng	<u>185.124.166.878</u>	<u>128.146.233.554</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.042.318.181	1.844.245.756
Thu nhập từ hỗ trợ	5.014.431.016	4.324.408.970
Thu nhập khác	1.540.092.369	3.780.087.494
Cộng	<u>10.596.841.566</u>	<u>9.948.742.220</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	65.488.445	234.971.559
Chi phí khác	368.355.521	2.264.439.220
Cộng	<u>433.843.966</u>	<u>2.499.410.779</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(144.031.014)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.033.653.012	(871.009.098)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	489.166.555	8.453.206.875
Cộng	<u>1.378.788.553</u>	<u>7.582.197.777</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.474.550.614	27.879.858.470
Chi phí nhân công	196.563.058.712	162.576.112.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.569.282.270	42.131.923.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.939.458.759	154.303.897.001
Chi phí dự phòng	36.109.154.702	22.107.875.233
Chi phí khác	69.316.728.345	55.053.479.559
Cộng	<u>544.972.233.402</u>	<u>464.053.146.513</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

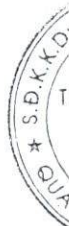
2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Ban điều hành.

Thu nhập của các thành viên Ban điều hành như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.708.693.900	1.788.796.635
Tiền thưởng	1.257.070.786	364.059.001
Thu nhập khác	75.488.321	830.637.202
Cộng	<u>3.041.253.007</u>	<u>2.983.492.838</u>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty cảng hàng không miền Nam	Công ty chủ sở hữu
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	Công ty con
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh	Công ty liên kết
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty cảng hàng không miền Nam		
Lợi nhuận nộp về Tổng công ty	34.319.109.579	54.664.758.483
Mua hàng hóa và dịch vụ	177.810.031.539	152.644.626.314
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	14.054.004.414	14.448.431.182
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	489.082.557	496.348.786
Mua hàng	-	9.400.000
Góp vốn	3.349.780.000	24.450.000.000
Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay		
Mua hàng	2.529.151.909	1.129.425.818
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco		
Mua hàng	3.235.444.948	2.853.117.348
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	4.053.614	-
Lãi liên doanh được chia	313.259.891	1.164.044.615
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh		
Bán hàng	344.998.518	343.470.787
Mua hàng và dịch vụ	12.321.018.364	11.210.743.277
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt		
Các khoản chi hộ	364.000.848	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty cảng hàng không miền Nam		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	2.529.884.373	2.335.818.801
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải thu khác và cung cấp hàng hóa dịch vụ	28.599.270.662	28.341.830.430
<i>Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất</i>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	67.036.221	990.000
<i>Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco</i>		
Mua hàng	156.839.875	57.449.875
Lãi liên doanh được chia	-	964.044.615
<i>Công ty cổ phần phát triển vườn xanh</i>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	22.494.542	911.884.739
Cộng nợ phải thu	<u>31.375.525.673</u>	<u>32.612.018.460</u>

Ngoài ra Công ty còn ký quỹ bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt tại Deutsche Bank AG – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Hội Sở Hà Nội với tổng số tiền là 234.826.195.000 VND (xem thuyết minh số V.25).

Tổng Công ty cảng hàng không miền Nam

Phải trả do mua hàng	16.061.077.857	33.263.122.377
Lợi nhuận nộp Tổng công ty	88.983.868.062	54.664.758.483

Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay

Phải trả do mua hàng	291.675.900	253.257.600
----------------------	-------------	-------------

Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco

Phải trả do mua hàng	667.622.300	-
----------------------	-------------	---

Công ty cổ phần phát triển vườn xanh

Phải trả do mua hàng và dịch vụ	1.178.661.732	1.426.243.417
---------------------------------	---------------	---------------

Cộng nợ phải trả	<u>107.182.905.851</u>	<u>89.607.381.877</u>
-------------------------	-------------------------------	------------------------------

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Công ty đã lập dự phòng cho toàn bộ nợ phải thu từ Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt (xem thuyết minh số V.7).

3. Số liệu so sánh

Trong năm Công ty đã điều chỉnh hồi tố chi phí khấu hao liên quan đến bất động sản đầu tư dùng để bán không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế và một số chi phí liên quan đến việc xây dựng khuôn viên phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Quyết định số 364/QĐ-CT- TTr1-N1 ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Tài sản ngắn hạn	100	565.558.426.608	(797.820.415)	564.760.606.193	
Tài sản ngắn hạn khác	150	39.961.161.446	(797.820.415)	39.163.341.031	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19.439.472.831	(4.159.403)	19.435.313.428	(i)
Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	6.446.870.146	(793.661.012)	5.653.209.134	(ii)
Tài sản dài hạn	200	826.135.873.671	976.241.255	827.112.114.926	
Tài sản cố định	220	100.596.349.482	233.990.694	100.830.340.176	
Tài sản cố định hữu hình	221	84.144.793.943	233.990.694	84.378.784.637	
Nguyên giá	222	312.220.861.371	425.437.392	312.646.298.763	(iii)
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(228.076.067.428)	(191.446.698)	(228.267.514.126)	(iii)
Tài sản dài hạn khác	260	243.930.163.684	742.250.561	244.672.414.245	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.033.653.012	742.250.561	1.775.903.573	(iv)
Tổng cộng tài sản	270	1.391.694.300.279	178.420.840	1.391.872.721.119	
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	755.512.862.162	178.420.840	755.691.283.002	
Vốn chủ sở hữu	410	755.512.862.162	178.420.840	755.691.283.002	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	1.033.653.012	178.420.840	1.212.073.852	
Tổng cộng nguồn vốn	440	1.391.694.300.279	178.420.840	1.391.872.721.119	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp					
Chi phí quản lý	25	128.220.685.163	(74.451.609)	128.146.233.554	(iii)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	87.436.214.698	74.451.609	87.510.666.307	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	7.419.553.863	162.643.914	7.582.197.777	(ii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	80.016.660.835	(88.192.305)	79.928.468.530	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp					
Lợi nhuận trước thuế	01	87.436.214.698	74.451.609	87.510.666.307	
Khấu hao tài sản cố định	02	42.781.203.534	85.087.353	42.866.290.887	(iii)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	88.305.921.161	159.538.962	88.465.460.123	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(41.248.077)	(159.538.962)	(200.787.039)	(iii)

(i) Thay đổi do điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ năm 2009 với số tiền là 4.159.403 VND.

(ii) Thay đổi do truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 631.071.098 VND và hạch toán bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2010 số tiền là 162.643.914 VND.

(iii) Thay đổi do điều chỉnh giảm chi phí phân bổ sang tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình phí xây dựng khuôn viên số tiền là 425.437.392 VND và tăng giá trị hao mòn lũy kế từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 12 năm 2009 số tiền là 106.359.345 VND, giảm chi phí phân bổ năm 2010 số tiền là 159.538.962 VND và tăng khấu hao năm 2010 số tiền là 85.087.353 VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iv) Thay đổi do điều chỉnh tăng tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời năm 2009 là 598.219.549 VND và năm 2010 là 144.031.012 VND.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	362.428.884.440	167.752.516.273	362.428.884.440	167.752.516.273
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.500.000.000	14.150.000.000	8.500.000.000	14.150.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	320.207.908.450	396.477.664.730	320.207.908.450	396.477.664.730
Phải thu khách hàng	49.495.715.270	56.997.599.047	49.495.715.270	56.997.599.047
Các khoản phải thu khác	243.171.126.898	285.437.792.154	243.171.126.898	285.437.792.154
Cộng	983.803.635.058	920.815.572.204	983.803.635.058	920.815.572.204
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	383.788.402.360	303.719.814.676	383.788.402.360	303.719.814.676
Vay và nợ	113.426.251.211	170.194.023.302	113.426.251.211	170.194.023.302
Các khoản phải trả khác	110.616.234.157	74.766.762.707	110.616.234.157	74.766.762.707
Cộng	607.830.887.728	548.680.600.685	607.830.887.728	548.680.600.685

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả cho người bán, các khoản phải trả khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản vay có đặc điểm và thời gian đáo hạn tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban điều hành đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.15 và V.33). Giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16.439.218.689 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 22.814.685.021 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, thời gian tín dụng tối đa là 30 ngày, không cho tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban điều hành chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban điều hành cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính bao gồm cả lãi vay phải trả dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	383.788.402.360	-	383.788.402.360
Vay và nợ	110.514.272.646	5.632.881.695	116.147.154.341
Các khoản phải trả khác	99.039.530.489	11.576.703.668	110.616.234.157
Cộng	593.342.205.495	17.209.585.363	610.551.790.858
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	303.719.814.676	-	303.719.814.676
Vay và nợ	157.908.318.315	17.527.487.125	175.435.805.440
Các khoản phải trả khác	62.854.093.079	11.912.669.628	74.766.762.707
Cộng	524.482.226.070	29.440.156.753	553.922.382.823

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động Công ty bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban điều hành đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Ban điều hành đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư sẵn sàng để bán của Công ty là 320.207.908.450 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 396.477.664.730 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 24.015.593.134 VND (năm trước là 29.735.824.855 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán năm nay giảm so với năm trước do Công ty thanh lý và trích lập dự phòng thêm cho các khoản đầu tư.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2012



TÔN NỮ DIỆU TRÍ
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT
Phó phòng kế toán



NGUYỄN QUỐC DANH
Giám đốc

2012
CỘNG HÒA MIỀN TỰ
TP.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	512.885.465.925	19.633.851.968	154.096.549.405	69.702.818.298	100.000.000	144.031.012	756.562.716.608
Giảm vốn do nộp về Tổng Công ty	-	-	-	-	-	(54.664.758.483)	(54.664.758.483)
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	79.928.468.530	79.928.468.530
Chia lãi hợp tác kinh doanh	-	-	-	-	-	(757.404.000)	(757.404.000)
Trích lập các quỹ	-	-	3.472.712.739	-	-	(23.560.845.340)	(12.265.572.219)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn	-	(19.633.851.968)	-	-	-	-	(19.633.851.968)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	4.042.450.299	-	-	-	-	4.042.450.299
Các khoản khác	1.699.790.169	-	1.176.537.683	-	(419.675.750)	122.582.133	2.479.234.235
Số dư cuối năm trước	514.585.256.094	4.042.450.299	158.745.799.827	77.105.702.930	-	1.212.073.852	755.691.283.002
Số dư đầu năm nay	514.585.256.094	4.042.450.299	158.745.799.827	77.105.702.930	-	1.212.073.852	755.691.283.002
Giảm vốn do nộp về Tổng Công ty	-	-	-	-	-	(34.319.109.579)	(34.319.109.579)
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	86.628.794.947	86.628.794.947
Chia lãi hợp tác kinh doanh	-	-	-	-	-	(757.404.000)	(757.404.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(52.764.355.220)	(44.056.008.740)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	(4.042.450.299)	-	-	-	-	(4.042.450.299)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm nay	-	(2.839.094.310)	-	-	-	-	(2.839.094.310)
Số dư cuối năm nay	514.585.256.094	(2.839.094.310)	158.745.799.827	85.814.049.410	-	-	756.306.011.021

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2012

CHỊ MINH AN VÀ ANH QUANG
 NGƯỜI LẬP BIỂU
 * H. Tô Thị Nữ Diệu Trì
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh Tuyết
 Phó phòng kế toán

Nguyễn Quốc Danh
 Giám đốc

